PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/QĐ-THTP

Uông Bí, ngày 04 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024; Quyết định số 231/QĐ-PGDĐT ngày 01/03/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ theo định mức 15% cho các đơn vị trường học năm 2024;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú.

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 05/4/2024 đến hết ngày 04/7/2024

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Nguyễn Trung Dũng

Scanned with CamScanner

PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 05 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024; Quyết định số 231/QĐ-PGDĐT ngày 01/03/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ theo định mức 15% cho các đơn vị trường học năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-THTP ngày 04/04/2024 của trường Tiểu học Trần Phú về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2024.

Hôm nay, vào hồi 14h00' ngày 05/4/2024, tại trường Tiểu học Trần Phú.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 45/45 đ/c vắng: 0
- Chủ trì: Đ/c Nguyễn Trung Dũng - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c Đỗ Thị Thanh Hòa - Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
- Đại diện Ban TTND: Đ/c Lê Thị Nhung - Trưởng ban TTND
- Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Nguyễn Thị Hạnh - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Trần Thị Duyên - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 05/4/2024 đến hết ngày 04/7/2024

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Trần Phú, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Scanned with CamScanner

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung dự toán Thu - Chi ngân sách quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Nhung - Chức vụ: Giáo viên, Trưởng ban TTND – SĐT: 0774225899) để giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 14h35' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ	TRƯỞNG BAN TTND	KẾ TOÁN	ĐDBCH CÔNG ĐOÀN	CHỦ TRÌ HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Duyên	Lê Thị Nhung	Nguyễn Thị Hạnh	Đỗ T. Thanh Hòa	Nguyễn Trung Dũng

Scanned with CamScanner

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH Trần Phú
Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã QHNS: 1067400

Uông Bí, ngày 05 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Trần Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước quý I năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				**0**
I	**Tổng số thu**				
1	**Số thu phí, lệ phí**				
2	**Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ**		-		
2.1	.....		-		
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**				
1	**Số chi phí, lệ phí**				
2	**Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ**		-		
2.1	.....		-		
3	**Thu sự nghiệp khác**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**8.810.210.000**	**1.892.105.814**	**0,215**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**8.810.210.000**	**1.892.105.814**	**0,215**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**8.810.210.000**	**1.892.105.814**	0,215	
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**8.488.190.000**	**1.892.105.814**	**0,223**	
1.1.1	**Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác**		**1.892.105.814**		
	Mục 6000: Tiền lương		**779.616.000**		
	- TM: 6001: Lương theo ngạch, bậc		734.616.000		
	- TM: 6051: Lương hợp đồng theo chế độ		45.000.000		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		**449.254.800**		
	- TM: 6101:Phụ cấp chức vụ		11.610.000		
	- TM: 6102: Phụ cấp khu vực		89.280.000		
	- TM: 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		256.832.100		
	- TM: 6113: Phụ cấp trách nhiệm		2.160.000		
	- TM: 6115: PC TNVK, Thâm niên nghề		89.372.700		
	Mục: 6200: Tiền thưởng		**0**		
	TM: 6249: Thưởng khác				
	Mục: 6250: Phúc lợi tập thể		**2.975.000**		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ				
	- TM: 6299: Chi khác		2.975.000		
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		**203.415.693**		

Scanned with CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		151.479.771		
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		25.967.961		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		17.311.974		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		8.655.987		
	Mục: 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		**0**		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ				
	TM: 6299: Chi khác				
	Thanh toán dịch vụ công cộng		**29.574.345**		
	- TM: 6501: Tiền điện		14.502.585		
	- TM: 6502: Tiền nước		15.071.760		
	TM: 6504: Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường				
	Mục: 6550: Vật tư văn phòng		**75.871.000**		
	- TM: 6551:Văn phòng phẩm		15.875.000		
	- TM: 6552: Mua sắm CCDC VP				
	- TM: 6553: Khoán VPP				
	- TM: 6599:Vật tư văn phòng khác		59.996.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		**5.462.900**		
	- TM: 6605: cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		1.188.000		
	- TM: 6608: Sách, báo, tạp chí thư viện		4.274.900		
	Mục: 6700: Công tác phí		**0**		
	TM: 6701: Tiền vé máy bay, tày, xe				
	TM: 6702: Phụ cấp công tác phí				
	TM: 6703: Tiền thuê phòng ngủ				
	TM: 6704: Khoán công tác phí				
	Mục: 6750: Chi thuê mướn		**67.440.000**		
	TM: 6757: Thuê lao động trong nước		67.440.000		
	TM: 6799: Chi thuê mướn khác				
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng		**3.000.000**		
	TM: 6907: Nhà cửa				
	TM: 6912: Thiết bị CNTT		3.000.000		
	TM: 6913: Tài sản và TB văn phòng				
	TM : 6921: Đường điện, cấp thoát nước				
	TM: 6949: Các tài sản và công trình cơ sơ hạ tầng khác				
	Mục: 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành		**195.508.000**		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật từ dùng cho chuyên môn của từng ngành				
	TM: 7004: Đồng phục, trang phục				
	TM: 7049: Chi phí khác		195.508.000		
	Mục: 7050: Mua sắm tài sản vô hình		**0**		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin				
	Mục: 7750: Chi khác		**79.988.076**		
	TM: 7756: Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán				
	TM: 7757: Bảo hiểm tài sản và phương tiện		814.000		
	TM: 7799: Chi các khoản khác		79.174.076		
1.1.2	**Quản lý nhà nước**				

Scanned with CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tiền lương				
	Phụ cấp lương				
	Các khoản đóng góp				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				
	Chi khác				
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**322.020.000**	0	0,00	
1.2.1	**Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác**		0		
	Mục: 6100: Phụ cấp lương		0		
	TM: 6149: Phụ cấp khác				
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		0		
	TM: 6157: trợ cấp ưu đãi học tập cho đối tượng chính sách				
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		0		
	TM: 6608: Mua sách thư viện				
	Mục 7000: Chi nghệp vụ chuyên môn		0		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư				
	TM: 7049: Chi khác				
	Mục 7750: Chi khác				
	TM: 7799: Chi các khoản khác				
1.1.2	**Quản lý nhà nước**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**		0		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**				
3.2	**KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**				

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hạnh

Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP UÔNG BÍ T. QUẢNG NINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Nguyễn Trung Dũng

Scanned with CamScanner